

nhân tuân thủ điều trị chung là 41,8%. Tỷ lệ tuân thủ điều trị từng thành phần cũng tăng lên đáng kể so với trước can thiệp với CSHQ can thiệp tuân thủ dùng thuốc, vận động thể lực, dinh dưỡng, kiểm soát đường huyết và sức khỏe định kỳ lần lượt là 73,8%, 83,9%, 1525,0%, 93,2%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Đỗ Văn Thiên với CSHQ trên can thiệp dùng thuốc đạt 92,8%[5]. Trong nghiên cứu của Danilo Donizetti và cộng sự, kết quả sau 15 tuần can thiệp, ở nhóm can thiệp đã có sự thay đổi và các đối tượng sử dụng thuốc một cách thường xuyên hơn và uống thuốc đúng liều hơn ($p < 0,0001$), tỷ lệ tuân thủ theo phác đồ điều trị đưa ra cũng tăng đáng kể.

Sau 6 tháng can thiệp, chỉ số glucose lúc đói và HbA1c có cải thiện có ý nghĩa thống kê so với trước can thiệp với CSHQ lần lượt là 121,6%, 30,5%. Nghiên cứu của Đỗ Văn Thiên cũng có kết quả tương tự với tăng tỷ lệ đạt về glucose đói và HbA1c sau can thiệp có ý nghĩa thống kê, với CSHQ lần lượt là 32,4%, 21,3% [5].

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ tuân thủ điều trị chung của bệnh nhân là 22,3%, trong đó, tuân thủ dùng thuốc là 60,1%, tuân thủ vận động thể lực là 55,1%, tuân thủ dinh dưỡng là 25,1%, tuân thủ kiểm tra đường huyết và tái khám là 58,7%. Các yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị chung bao gồm dưới 60 tuổi, sống ở thành thị, ngừng lao động, không có vợ/chồng, thời gian bệnh dưới 1 năm,

thời gian điều trị bệnh dưới 1 năm, có từ 1 bệnh kèm theo trở xuống, có kiến thức đúng về bệnh đái tháo đường, glucose đói đạt, HbA1c ổn định ($p < 0,05$).

Sau 6 tháng can thiệp bằng truyền thông trên 220 bệnh nhân không tuân thủ điều trị chung, tỷ lệ người bệnh tuân thủ điều trị tăng ($p < 0,001$): tuân thủ điều trị chung 41,8%, tuân thủ dùng thuốc (84,5%, CSHQ: 73,8%), tuân thủ vận động thể lực (77,7%, CSHQ: 83,9%), tuân thủ dinh dưỡng (59,1%, CSHQ: 1525,0%), tuân thủ kiểm tra đường huyết và tái khám (90,5%, CSHQ: 93,2%). Chỉ số glucose huyết lúc đói đạt yêu cầu trên 74,5%, CSHQ: 121,6%, HbA1c đạt yêu cầu trên 75,9%, CSHQ: 30,5%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Vũ Huyền Anh (2016)**. Đánh giá kiến thức tự chăm sóc của người bệnh đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên. Luận văn thạc sỹ Điều dưỡng, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.
2. **Nguyễn Thị Xuân Ái, Trương Thụy Kiều Oanh, Nguyễn Văn Tập (2015)**, "Tuân thủ điều trị đái tháo đường của người bệnh tại khoa nội tim mạch - nội tiết bệnh viện Bình Thạnh".
3. **Bộ Y tế (2014)**, Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội tiết-chuyển hoá, Nhà xuất bản Y học.
4. **Bộ Y tế (2020)**, Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đái tháo đường típ 2, Hà Nội.
5. **Đỗ Văn Doanh (2016)**, "Thực trạng tuân thủ điều trị của người bệnh đái tháo đường típ 2 ngoại trú tại bệnh viện tỉnh Quảng Ninh năm 2016", Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 2(2), 14-21.

KIẾN THỨC VỀ PHÒNG CHỐNG NGÃ CHO NGƯỜI BỆNH CỦA ĐIỀU DƯỠNG TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRUNG ƯƠNG

Trần Thái Hà¹, Đoàn Thị Mên¹

TÓM TẮT

Té ngã là một trong những nội dung quan trọng về an toàn người bệnh, là một trong 6 sự cố y khoa quan trọng phải báo cáo. Đội ngũ điều dưỡng, hộ sinh có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giảm thiểu sự cố y khoa. **Mục tiêu:** mô tả thực trạng kiến thức của điều dưỡng về phòng chống ngã cho bệnh nhân tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương năm 2023.

Phương pháp: nghiên cứu mô tả cắt ngang 127 điều dưỡng tại 9 khoa lâm sàng Bệnh viện Y học cổ truyền

Trung ương. **Kết quả:** 73,2% điều dưỡng có kiến thức đạt về nguy cơ ngã của người bệnh; 75,6% có kiến thức đạt về giải pháp dự phòng ngã cho người bệnh; 74% có kiến thức đạt về kiến thức chung phòng chống ngã. **Kết luận:** điều dưỡng viên có kiến thức đạt về phòng chống ngã cho người bệnh.

Từ khóa: té ngã, nguy cơ ngã của người bệnh, dự phòng ngã.

SUMMARY

KNOWLEDGE ABOUT FALL PREVENTION FOR PATIENTS OF NURSES WORKED AT NATIONAL HOSPITAL OF TRADITIONAL MEDICINE

Fall is the one of crucial issues of patient safety and one of 6 medical errors that must be reported. Nurses and midwives play significant role in minimizing medical incidents. **Objective:** to describe the state of knowledge about fall prevention in

¹Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương

Chịu trách nhiệm chính: Đoàn Thị Mên

Email: menyhcttw@gmail.com

Ngày nhận bài: 9.4.2024

Ngày phản biện khoa học: 13.5.2024

Ngày duyệt bài: 27.6.2024

patients treated in National Hospital of Traditional Medicine in 2023. **Methodology:** a cross-sectional study on 127 nurses worked at 9 clinical departments of National Hospital of Traditional Medicine. **Results:** there were 73.2%; 75.6% and 74% nurses who have adequate knowledge of fall risk, fall prevention solutions and general fall prevention. **Conclusion:** nurses have adequate knowledge of fall prevention.

Keywords: fall, fall risk of patients, fall prevention.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Té ngã là một trong những nội dung quan trọng về an toàn người bệnh, theo Tổ chức Y tế Thế giới WHO thì té ngã là một trong 6 sự cố y khoa quan trọng phải báo cáo [1]. Đội ngũ điều dưỡng có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giảm thiểu sự cố y khoa.

Nghiên cứu của tác giả Han và cộng sự trong các bệnh viện chăm sóc dài hạn ở Hàn Quốc tháng 7 năm 2020 vừa qua chỉ ra rằng có mối quan hệ tích cực giữa kiến thức và thái độ trong chiến lược nâng cao hiệu quả dự phòng ngã [2]. Tại Việt Nam chưa tìm thấy nghiên cứu nào tìm hiểu mối quan hệ giữa kiến thức và thái độ mặc dù đã có một số nghiên cứu về kiến thức phòng ngừa ngã của điều dưỡng. Nghiên cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam cho thấy kiến thức của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh chỉ đạt mức 80,3% và 61,7% ở từng bệnh viện [3], [4].

Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương luôn đặt vấn đề an toàn người bệnh lên hàng đầu, với tầm quan trọng đặc biệt của người điều dưỡng, chúng tôi lựa chọn thực hiện nghiên cứu đề tài với mục tiêu: *Mô tả thực trạng kiến thức của điều dưỡng về phòng chống ngã cho bệnh nhân tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương năm 2023.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Điều dưỡng đang công tác tại 9 khoa lâm sàng bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương, đã ký hợp đồng lao động (đã được đào tạo, nắm được công tác chăm sóc người bệnh nói chung và công tác dự phòng ngã nói riêng) và đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian: nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1 năm 2023 đến tháng 8 năm 2023.

- Nghiên cứu được tiến hành tại 9 khoa lâm sàng Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương: khoa Hồi sức tích cực, khoa Nội, khoa Ngoại, khoa Lão, khoa Ung bướu, khoa Cơ Xương Khớp, khoa Nhi, khoa Thận tiết niệu và nam học, khoa Chăm cứu dưỡng sinh. Lựa chọn 9 khoa này vì đây là 9 khoa có nhiều bệnh nhân người lớn lưu

trú, nguy cơ cao dẫn tới té ngã trong bệnh viện.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Thiết kế nghiên cứu. Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.3.2. Cỡ mẫu

Chọn mẫu thuận tiện: Thực hiện nghiên cứu này chúng tôi đã chọn mẫu toàn bộ điều dưỡng đang làm việc trực tiếp trên lâm sàng tại 9 khoa trên, có sự đồng thuận tham gia nghiên cứu.

Phương pháp chọn mẫu: Danh sách điều dưỡng đang làm việc tại bệnh viện trong khoảng thời gian nghiên cứu đáp ứng các tiêu chuẩn lựa chọn.

2.4. Các biến số nghiên cứu

- Đặc điểm phân bố đối tượng nghiên cứu theo tuổi.

- Đặc điểm phân bố đối tượng nghiên cứu theo giới.

- Đặc điểm phân bố đối tượng nghiên cứu theo trình độ học vấn.

- Đặc điểm phân bố đối tượng nghiên cứu theo nhu cầu đào tạo.

- Phân loại kiến thức về nguy cơ ngã của người bệnh.

- Phân loại kiến thức về giải pháp dự phòng ngã cho người bệnh.

- Phân loại kiến thức chung về phòng chống ngã cho người bệnh.

2.5. Tiêu chuẩn đánh giá. Đối tượng nghiên cứu trả lời mỗi ý đúng là 1 điểm, sai 0 điểm. Tổng số ý trả lời đúng là 33 tương ứng với tổng số điểm là 33. Kết quả được phân loại là đạt và không đạt và 4 mức độ. Theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), mức điểm đạt là từ 5,0 điểm trở lên ($\geq 50\%$). Như vậy, đối tượng nghiên cứu trả lời đúng từ 17 điểm trở lên ($>50\%$) ở mức độ "Đạt"; từ 16 điểm trở xuống không đạt. Kiến thức được chia làm 4 mức độ như ở Bảng dưới:

Bảng 2.1. Mức độ kiến thức

Khoảng điểm	Mức độ	Phân loại
< 30% tổng số điểm	Chưa có kiến thức	Chưa đạt
30-<50% tổng số điểm	Kiến thức kém	
50-<80% tổng số điểm	Kiến thức trung bình	
80-100% tổng số điểm	Kiến thức tốt	Đạt

2.6. Phương pháp phân tích số liệu. Số liệu sau khi làm sạch và mã hóa được nhập vào máy tính và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 22.0:

- Các biến không liên tục được thống kê theo tần suất và tỷ lệ phần trăm

- Các biến liên tục được đặc trưng bởi giá trị trung bình $\pm$ độ lệch chuẩn

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Độ tuổi chủ yếu của điều dưỡng viên tại bệnh viện là 30 - 40 tuổi chiếm 55,1%, giới tính nữ chiếm khoảng $\frac{3}{4}$ số điều dưỡng viên. Trình độ chuyên môn đại học 54,3%. Điều dưỡng viên có thâm niên từ 10 - 20 năm chiếm tỷ lệ đa số (58,3%).



Biểu đồ 3.1. Nhu cầu tập huấn về phòng ngừa ngã

Nhận xét: Có 88,5% có nhu cầu tập huấn về phòng ngừa ngã trong các đối tượng nghiên cứu được phỏng vấn.

Bảng 3.1. Phân loại kiến thức về yếu tố nguy cơ ngã

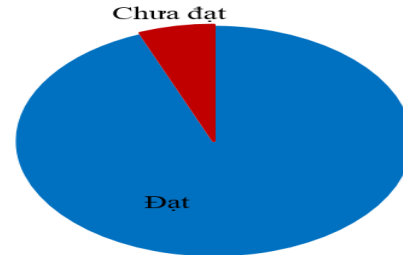
Phân loại kiến thức về nguy cơ ngã của người bệnh	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Chưa đạt	34	26,8
Đạt	93	73,2
Điểm TB nguyên nhân/yếu tố nguy cơ dự phòng ngã	7,2 $\pm$ 2,67	
Tổng	127	100

Nhận xét: Có 73,2% đối tượng nghiên cứu có kiến thức đạt về nguy cơ ngã của người bệnh. Tỷ lệ không đạt là 37,0%. Điểm TB nguyên nhân/ yếu tố nguy cơ dự phòng ngã là 7,2 $\pm$ 2,67 điểm.

Bảng 3.2. Phân loại kiến thức về giải pháp dự phòng ngã cho người bệnh của điều dưỡng viên

Phân loại kiến thức về giải pháp dự phòng ngã cho người bệnh của điều dưỡng viên	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Chưa đạt	31	24,4
Đạt	96	75,6
Điểm trung bình về kiến thức dự phòng ngã cho người bệnh của điều dưỡng	16,23 $\pm$ 6,07	
Tổng	127	100

Nhận xét: Đánh giá phân loại kiến thức về giải pháp dự phòng ngã cho người bệnh của điều dưỡng viên cho thấy có 96 trên tổng số 127 điều dưỡng viên được hỏi có kiến thức đạt chiếm 75,6%. Điểm trung bình về kiến thức dự phòng ngã cho người bệnh của điều dưỡng là 16,23 $\pm$ 6,07 điểm.



Biểu đồ 3.2. Phân bố kiến thức chung về phòng chống ngã cho người bệnh của điều dưỡng

Nhận xét: Đánh giá phân bố kiến thức chung về dự phòng ngã cho người bệnh của 127 điều dưỡng viên cho thấy có 94 đối tượng chiếm tỷ lệ 74% có kiến thức đạt. Tuy nhiên vẫn còn 33 người chưa có kiến thức được cho là đạt tiêu chuẩn chiếm tỷ lệ 26%.

IV. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi, có 73,2% đối tượng nghiên cứu có kiến thức đạt về nguy cơ ngã của người bệnh. Tỷ lệ không đạt chỉ có 37,0%. Đánh giá phân loại kiến thức về giải pháp dự phòng ngã cho người bệnh của điều dưỡng viên cho thấy có 96 trên tổng số 127 điều dưỡng viên được hỏi có kiến thức đạt chiếm 75,6%. Điểm trung bình về kiến thức dự phòng ngã cho người bệnh của điều dưỡng là 16,23 $\pm$ 6,07 điểm. Đánh giá phân bố kiến thức chung về phòng chống ngã cho người bệnh có 74% có kiến thức đạt.

Nghiên cứu của Nguyễn Văn Đạt và Trần Quang Huy (2021) tại Bệnh viện Vinmec đánh giá kiến thức về dự phòng ngã cho người bệnh của điều dưỡng viên cho thấy điểm trung bình kiến thức của điều dưỡng khá cao 28,26 $\pm$ 4,45 điểm; tỷ lệ điều dưỡng viên có kiến thức đạt là 87,9%. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của chúng tôi [5]. Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy có cùng thang đo kiến thức với nghiên cứu này cho thấy, tỷ lệ điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam có kiến thức về phòng ngừa ngã ở mức đạt trước can thiệp là 38,3%. Tỷ lệ sau can thiệp giáo dục về phòng ngừa nguy cơ ngã của bệnh viện tăng lên 87,2% [4]. Nghiên cứu đánh giá kiến thức về phòng ngã cho người bệnh của sinh viên điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nam sử dụng bộ câu hỏi gồm 28 câu của tác giả Kim Myoung Hee cho thấy, tỷ lệ sinh viên điều dưỡng có mức độ kiến thức chung về phòng ngã ở mức tốt là 41,1%, mức trung bình là 57,2% và 1,4% ở mức kém. Với điểm trung bình kiến thức là 20,1 $\pm$ 2,4 điểm [6]. Kết quả mức độ kiến thức dự phòng ngã trong nghiên cứu trên thấp hơn rõ ràng so với nghiên cứu này của chúng tôi là do đối tượng

nguyên cứu của nghiên cứu trên là sinh viên điều dưỡng nên chưa được đào tạo chuyên sâu về phòng chống ngã cũng như chưa có nhiều cơ hội để thực hành dự phòng ngã cho người bệnh, so với nghiên cứu này đối tượng là điều dưỡng viên lâm sàng.

So sánh với một số nghiên cứu trên thế giới: nghiên cứu của Hsti Oktaviani tại một bệnh viện ở thành phố Surakarta, Indonesia là 69,2% [7]; nghiên cứu năm 2017 của Faisal Asiri tại một bệnh viện vùng Aseer, Saudi Arabia là 26,1% [8]. Những kết quả trên đều cho thấy tỷ lệ kiến thức đạt trong nghiên cứu của chúng tôi ở mức cao hơn.

Ngã là sự cố y khoa có thể phòng ngừa và mọi cơ sở y tế đều mong muốn giảm thiểu tối đa sự cố ngã, muốn vậy thì tất cả điều dưỡng phải có kiến thức tốt. Mục tiêu phấn đấu tất cả điều dưỡng đều phải có kiến thức từ mức đạt yêu cầu trở lên và phải luôn được duy trì, cập nhật kiến thức mới. Mặc dù trong nghiên cứu này, kiến thức đã đạt khá cao nhưng vẫn còn nhiều điểm mà điều dưỡng hiểu chưa đúng, do vậy, cần được tiếp tục đào tạo để đạt cao hơn nữa.

Trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi chưa thể thực hiện can thiệp và đánh giá trước sau, nhưng với kết quả đã khảo sát cho thấy tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương vẫn cần đưa ra các chương trình đào tạo trọng tâm vào các mặt còn thiếu và liên tục cập nhật kiến thức mới trong tương lai.

V. KẾT LUẬN

Điều dưỡng viên tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương có kiến thức đạt về phòng chống

ngã cho người bệnh. Đánh giá về kiến thức chung phòng chống ngã cho người bệnh có 74% điều dưỡng viên đạt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Laing, S.S., et al.,** Fall prevention knowledge, attitude, and practices of community stakeholders and older adults. *Journal of aging research*, 2011.
2. **Han, Y.H., H.Y. Kim, and H.S. Hong,** The Effect of Knowledge and Attitude on Fall Prevention Activities among Nursing Staff in Long-Term Care Hospitals. *Open Journal of Nursing*, 2020. 10(07): 676.
3. **Đặng Văn Cường,** Thay đổi kiến thức về phòng té ngã cho người bệnh của điều dưỡng tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn sau can thiệp năm 2019. Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, 2019.
4. **Nguyễn Thị Thủy,** Thay đổi kiến thức, thực hành về phòng ngừa té ngã cho người bệnh của Điều dưỡng viên tại một số khoa lâm sàng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam năm 2019. *Tạp chí Khoa học điều dưỡng*, 2019. 3(2), 55-60.
5. **Nguyễn Văn Đạt và Trần Quang Huy,** Thực trạng kiến thức về dự phòng ngã của điều dưỡng và một số yếu tố liên quan tại bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Time city năm 2021. *Tạp chí Điều dưỡng*, 2021.
6. **Mai Xuân Thu,** Thực trạng kiến thức về phòng té ngã cho người bệnh của sinh viên điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nam. *Tạp chí Khoa học điều dưỡng*, 2019. 2(3):112-119.
7. **Hesti Oktaviani,** Hubungan Pengetahuan Dengan Kepatuhan Perawat Dalam Pelaksanaan standar Prosedur Operasional Pencegahan Resiko Jatuh Pasien Di Ruma Sakit Panti Waluyo Surakarta. 2015.
8. **Faisal Asiri,** Fall prevention knowledge and practice patterns among home healthcare professionals in southern Saudi Arabia: an observational study. *Journal of International Medical Research*, 2017. 46(12):5062-5073.

ĐẶC ĐIỂM VÀ CĂN NGUYÊN VI KHUẨN GÂY VIÊM PHỔI LIÊN QUAN THỞ MÁY TẠI KHOA HỒI SỨC TÍCH CỰC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ TĨNH

Nguyễn Viết Cường^{1,2}, Trần Hữu Thông³, Hà Trần Hưng^{2,3}

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá các đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và căn nguyên vi khuẩn gây viêm phổi liên quan thở máy (VPLQTM). **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang 269

bệnh nhân được đặt ống nội khí quản (hoặc mở khí quản) thở máy trên 48 giờ tại khoa Hồi sức tích cực bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh từ 01/01/2022 đến 31/12/2022. **Kết quả:** bệnh nhân VPLQTM chiếm tỷ lệ 35,5% với tần suất mắc là 44,35 bệnh nhân/1000 ngày thở máy. Độ tuổi trung bình của bệnh nhân VPLQTM là 72 ± 13,6 tuổi, VPLQTM khởi phát muộn chiếm tỉ lệ cao (60%). Bệnh nhân VPLQTM hầu hết đều biểu hiện tình trạng nhiễm trùng rõ ràng như sốt cao, tăng bạch cầu, tăng procalcitonin. Đặc biệt các dấu hiệu thở nhanh, rale ở phổi và tăng tiết đờm đục có ở 100% số bệnh nhân. Căn nguyên thường gặp trong VPLQTM chủ yếu là vi khuẩn gram âm, thường gặp nhất là *Acinetobacter baumannii* (53,7%), tiếp đến là *Klebsiella pneumoniae* (23,2%). Tỷ lệ tử vong do

¹Bệnh viện Đa khoa Thành phố Hà Tĩnh

²Trường Đại Học Y Hà Nội

³Bệnh viện Bạch Mai

Chịu trách nhiệm chính: Hà Trần Hưng

Email: hatranhung@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 9.4.2024

Ngày phản biện khoa học: 14.5.2024

Ngày duyệt bài: 27.6.2024